

Bản án số: 03/2024/HS – PT

Ngày: 05-02-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm cả***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lý Thị Đoàn.

***Các Thẩm phán:*** Ông Vũ Văn Túc và ông Nguyễn Quang Tuấn

***Thư ký phiên tòa :*** Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi H Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 66/2023/TLPT - HS ngày 14/12/2023 đối với các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q, Tạ Văn T, Bùi Mạnh H, do có kháng cáo của các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q, Tạ Văn T, Bùi Mạnh H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn Kiểm, bà Bùi Thị Chậm, chị Bùi Thị Hiền, chị Bùi Thị Quyên, chị Bùi Thị Biển đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2023/HS-ST ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình.

***Các Bị cáo có kháng cáo:***

**1. Họ và tên:** **Đinh Công P**; **Giới tính:** Nam; **Tên gọi khác:** không; **Sinh ngày:** 01 tháng 11 năm 1988 tại: Hòa Bình; **Nơi cư trú:** Xóm Thượng Tiến, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Dân tộc:** Mường; **Tôn giáo:** Không; **Nghề nghiệp:** Công chức địa chính Ủy ban nhân dân thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; **Trình độ học vấn:** 12/12; **Họ tên bố:** Đinh Quang Hợp, sinh năm 1957 (Đã chết); **Họ tên mẹ:** Bùi Thị Lý, sinh năm 1963; **Họ tên vợ:** Đinh Thị Hằng, sinh năm 1988; **Có 02 con:** Con lớn sinh năm 2012; Con nhỏ sinh năm 2019; **Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;**

**Tiền án, tiền sự:** Không;

Là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ Khu Mờ Khoắc, Đảng Bộ thị trấn Bo huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Tại Quyết định số

175-QĐ/UBKTTHU ngày 24/5/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Kim Bôi quyết định: Khai trừ ra khỏi Đảng cộng sản Việt Nam.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/11/2022 đến ngày 19/01/2023 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ và tên: Bùi Văn S;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 26 tháng 3 năm 1990 tại: Hòa Bình; Nơi cư trú: Xóm Vãng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên bố: Bùi Văn Chích, sinh năm 1961; Họ tên mẹ: Bùi Thị Miên, sinh năm 1965; Họ tên vợ: Đinh Văn Anh, sinh năm 2004; Có 01 con sinh năm 2023; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: Không;

Là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ xóm Vãng, Đảng Bộ xã Hợp Tiến huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Tại Quyết định số 174-QĐ/UBKTTHU ngày 24/5/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Kim Bôi quyết định: Khai trừ ra khỏi Đảng cộng sản Việt Nam.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/11/2022 đến ngày 09/01/2023 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**3. Họ và tên: Bùi Xuân Q;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 10 tháng 11 năm 1991, tại: Hòa Bình; Nơi cư trú: Xóm Quê Kho, xã Tú Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động hợp đồng tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên bố: Bùi Xuân Quý, sinh năm 1963; Họ tên mẹ: Bùi Thị Khuyên, sinh năm 1964; Họ tên vợ: Bùi Thị Linh Huệ, sinh năm 2000; Có 01 con sinh năm 2021; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: Không;

Là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Tại Quyết định số 172-QĐ/UBKTTHU ngày 24/5/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Kim Bôi quyết định: Khai trừ ra khỏi Đảng cộng sản Việt Nam.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/11/2022 đến ngày 09/01/2023 được tại ngoại, nay có mặt tại phiên tòa.

**4. Họ và tên: Tạ Văn T;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 04 tháng 4 năm 1972, tại: Bắc Giang; Nơi cư trú: xóm Quê Kho, xã Tú Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Họ tên bố: Tạ Văn Nguyễn, sinh năm 1930; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Thê, sinh năm 1939; Họ

tên vợ: Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1976; Có 02 con: Con lớn sinh năm 1997; Con nhỏ sinh năm 2003; Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/11/2022 đến ngày 17/02/2023 được tại ngoại, nay có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên : **Bùi Mạnh H**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 17 tháng 10 năm 1981 tại: Hòa Bình; Nơi cư trú: Khu Lạng, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên bố: Bùi Văn Kiêm, sinh năm 1955 (Đã chết); Họ tên mẹ: Bùi Thị Chiên, sinh năm 1947; Họ tên vợ: Nguyễn Hồng Vân, sinh năm 1998; Có 01 con, sinh năm 2022; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;

Tiền án: 01. Ngày 07/02/2020, bị Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức , thành phố Hồ Chí Minh xử 18 tháng tù về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi và tội Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi theo Bản án số : 12/2020/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2021. Đến thời điểm phạm tội lần này chưa được xóa án tích;

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2022 đến ngày 09/01/2023 được tại ngoại, nay có mặt tại phiên tòa.

*Ngoài ra còn có các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:*

1. Họ và tên: **Bùi Thị Tiên**, Sinh ngày: 07 tháng 01 năm 1987, tại: Hòa Bình; Nơi cư trú: xóm Lột, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Họ và tên: **Bùi Tuấn Đông**, Sinh ngày: 28 tháng 6 năm 1976 tại: Hòa Bình; Nơi cư trú: khu Lạng, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Họ và tên: **Hoàng Văn Hoa**, Sinh ngày: 24 tháng 11 năm 1980 tại: Hà Nội; Nơi cư trú: Xóm Ve, xã Đông Bắc, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

*Người bào chữa cho các bị cáo Bùi Văn S và Bùi Xuân Q: Ông Nguyễn Hữu Doan* – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

- Ông **Bùi Văn Kiêm**, sinh năm 1963. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bà **Bùi Thị Chậm**, sinh năm 1964. Có mặt
- Chị **Bùi Thị Hiền**, sinh năm 1997. Có mặt

Cùng trú tại : Xóm Vãng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

- Chị **Bùi Thị Quyên**, sinh năm 1993. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại : Xóm Ký Đại, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình

- Chị **Bùi Thị Biển**, sinh năm 1990. Có mặt

Trú tại : Xóm Lươn, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- **Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi - tỉnh Hòa Bình.**

Địa chỉ : thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến** –Huyện Kim Bôi – tỉnh Hòa Bình. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh **Bùi Văn Kỳ**, sinh năm 1986. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại : Xóm Vãng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

- Chị **Lê Thị Thùy Linh**, sinh năm 1984. Vắng mặt

Trú tại : P.317-C15- Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Địa chỉ liên hệ : MRA91- Khu biệt thự Marina Ecopark – Văn Giang – Hưng Yên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 13/09/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi -tỉnh Hòa Bình và Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2023/HSST ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi , tỉnh Hòa Bình, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hộ gia đình ông Bùi Văn Kiềm có diện tích đất 1.300 m<sup>2</sup> đã được UBND huyện Kim Bôi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A205883, ngày 04/06/1990, gắn liền với diện tích đất này, hộ ông Kiềm còn sử dụng thêm khoảng 9.893,9m<sup>2</sup>từ trước những năm 1990, tổng cộng là 11.193,9 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 103, tờ bản đồ số 40, địa chỉ tại: xóm Vãng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi.Giáp liền kề với diện tích đất nói trên hộ nhà ông Kiềm còn trồng trọt, sử dụng (thời gian gần đây chứ không phải sử dụng ổn định lâu dài từ trước năm 1990) thửa đất số 11 diện tích 561,4 m<sup>2</sup> và thửa đất số 47 diện tích 874,5 m<sup>2</sup>, đều thuộc tờ bản đồ số 40 địa chỉ tại xóm Vãng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi.Đối chiếu theo bản đồ địa chính thì thửa đất số 103 quy chủ sử dụng là hộ ông Kiềm; Tuy nhiên đối với thửa đất số 11 là đất CLN (đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 47 là đất BCS (đất bằng chưa sử dụng) và đều do Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến quản lý. Xét về nguồn gốc đất và quy định pháp luật về đất đai thì thửa đất số 11 và thửa đất số 47 không thuộc diện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kiềm. Hộ ông Kiềm cho rằng các thửa đất số 103, số 11, số 47 là do gia đình mình sử dụng ổn định lâu dài và không có tranh chấp nên khoảng tháng 06/2021 hộ ông Kiềm muốn chuyển nhượng quyền sử dụng cả 03 thửa

này và nhờ Bùi Văn Kỳ, trú tại xóm Vãng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi tìm người mua. Thông qua môi giới của Bùi Văn Kỳ, Tạ Văn T và Hoàng Văn Hoa đã đến nhà ông Kiểm để xem thực tế đất và thỏa thuận với hộ ông Kiểm về việc nhận chuyển nhượng cả 03 thửa số 103, số 11 và 47 với giá 220.000đồng/m<sup>2</sup>, T và Hoa sẽ chịu trách nhiệm làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Kiểm. Sau đó cả hai đã đến đặt cọc trước cho hộ ông Kiểm số tiền lần 01 là 50.000.000đồng, lần 02 là 200.000.000 đồng (toàn bộ số tiền này là của T), hộ ông Kiểm đã giao cho Tạ Văn T và Hoàng Văn Hoa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A205883 cấp ngày ngày 04/06/1990 để T và Hoa tự đi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua tìm hiểu Tạ Văn T đã tìm gặp Bùi Mạnh Đức nhờ lo các thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các thửa đất hộ ông Kiểm vì T biết rõ H là em trai ruột của Bùi Tuấn Đông - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bôi nên sẽ giúp T làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhanh và thuận lợi. Sau khi trao đổi, Bùi Mạnh Đức đồng ý rồi cùng T và Hoa đi đo diện tích thực tế của các thửa đất bằng máy đo chuyên dụng. Sau khi đo xong, Đức nhận lời T sẽ lo việc làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cả 03 thửa số 103, số 11, số 47 ( trong đó thửa 103 cấp tăng thêm diện tích từ 1.300 m<sup>2</sup> lên thành 11.193,9 m<sup>2</sup>, thửa số 11 và thửa số 47 là cấp mới dựa trên nguồn gốc sử dụng ổn định, lâu dài và không có tranh chấp) với số tiền là 130.000.000 đồng. Đức đã nhận trước của T số tiền 100.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng T hứa sẽ đưa sau khi làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn cụ thể H liên hệ ai hay sử dụng tiền như nào thì giữa T và H không trao đổi cụ thể. Sau đó T giao cho Hoa phối hợp với H để làm các thủ tục, hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về phía Tạ Văn T sau khi đặt cọc tiền cho hộ ông Kiểm đã tìm được người nhận chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất là bà Lê Thị Thùy Linh, sinh năm: 1984, trú tại: F317 – C15, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Bà Linh đã đặt cọc trước cho T là 1.000.000.000 đồng và các bên thỏa thuận sau khi hoàn thiện thủ tục giấy tờ đất nêu trên sẽ chuyển nhượng lại cho bà Linh với giá 500.000 đồng/m<sup>2</sup>. T và Hoa đã từng nhiều lần mua đất của người dân để bán lại nên hiểu rõ thửa đất số 47 là phần đất giáp suối có “phong thủy đẹp”, nếu không làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chuyển nhượng thì các thửa đất còn lại có được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cũng không ai mua. Vì T đã nhận đặt cọc tiền từ bà Lê Thị Thùy Linh và đã đặt cọc tiền cho hộ gia đình ông Kiểm nên buộc phải đẩy nhanh tiến độ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cả ba thửa đất số 103, số 11 và số 47 nếu không sẽ mất tiền cọc cho hộ ông Kiểm và phải bồi thường tiền cọc cho bà Linh.

Sau khi nhận làm hồ sơ, Bùi Mạnh H đã tự đi trích đo các thửa đất và biên tập kết quả thành 02 Bản trích lục bản đồ địa chính (đối với thửa số: 47 và thửa số: 11), 01 Bản trích đo bản đồ địa chính (đối với thửa số: 103) và bản mềm (file) cho Bùi Xuân Q là cán bộ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bôi để kiểm tra, in ấn ký tên, đóng dấu hợp thức hóa theo quy định của pháp luật. Lúc này Bùi Xuân Q đã đi đo lại các thửa đất nói trên. Thấy kết quả đo của mình trùng khớp với kết quả Đức đưa cho, Q thông báo cho Bùi Mạnh Đức và Đinh Công Lành khi đó đang là Công chức địa chính của Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến biết diện tích đất hộ nhà ông Kiềm phát sinh thành ba thửa, gồm: Thửa số 103, tờ bản đồ số 40, diện tích: 11.193,9m<sup>2</sup> là đất CLN (đất trồng cây lâu năm) quy chủ sử dụng là hộ ông Bùi Văn Kiềm; Thửa đất số: 11, tờ bản đồ số 40, diện tích 561,4m<sup>2</sup> là đất CLN (đất trồng cây lâu năm) do Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến quản lý và thửa số: 47, tờ bản đồ số: 40 diện tích: 874,5m<sup>2</sup> là đất BCS (đất bằng chưa sử dụng) do Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến quản lý và không đủ điều kiện để cấp cho hộ ông Bùi Văn Kiềm. Q biết rõ đất do UBND xã quản lý (thửa số 11, số 47) và đặc biệt là đất BCS (thửa số 47) rất khó để đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân sử dụng. Do có mối quan hệ quen biết từ trước với Bùi Mạnh H và biết H nhận làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ nhà ông Kiềm nên để giúp H, Q đã tự ý biên tập hai bản trích lục bản đồ địa chính đối với thửa đất số 47 và số 11 thay đổi so với kết quả đối chiếu trên bản đồ địa chính, cụ thể: mục đích sử dụng của thửa đất số: 47 từ đất BCS (đất bằng chưa sử dụng) thay đổi thành đất CLN (đất trồng cây lâu năm), quy chủ tên người sử dụng của thửa đất số 47 và số 11 từ đất do Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến quản lý thành người sử dụng là hộ ông Bùi Văn Kiềm, sai về loại đất và đối tượng sử dụng đất. Sau đó Q chuyển kết quả đo cho Bùi Thị Tiên là cán bộ thẩm định của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bôi để kiểm tra sơ bộ rồi chuyển cho Bùi Tuấn Đông là Giám đốc Chi nhánh ký duyệt và đóng dấu. Sau khi có đầy đủ chữ ký và đóng dấu thì Q đã trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân huyện (Bộ phận tiếp công dân một cửa). Đức đã sử dụng kết quả 01 bản trích đo bản đồ địa chính đối với thửa đất số 103, 02 bản trích lục bản đồ địa chính đối với thửa đất số 11 và số 47 (đối với loại đất đã có bìa mà diện tích xin cấp tăng thêm thì sử dụng bản trích đo, đối với loại đất cấp mới thì sử dụng bản trích lục) lập 03 (ba) bộ hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các thửa đất số 103, số 11, số 47 nói trên rồi nộp vào Bộ phận tiếp công dân một cửa. Tuy nhiên, do Đức biên tập các tài liệu trong hồ sơ bị lỗi chính tả và không đầy đủ tài liệu, cụ thể thiếu tài liệu xác nhận về nguồn gốc đất theo quy định nên bị trả lại. H nhận thấy các tài liệu còn thiếu mình không có khả năng tự làm được mà thuộc công việc của Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến, cụ thể là cán bộ địa chính xã nên Đức bảo T sẽ phải đưa tiền cho Đinh Công Lành (khi đó đang là Công chức địa chính

của Ủy ban Nhân dân xã Hợp Tiến ) để Lành làm giúp các thủ tục còn thiếu, sau khi trao đổi thì T đồng ý việc đưa tiền cho P để nhờ P làm giúp các thủ tục, tài liệu. Sau đó Đức đưa cho Lành 25.000.000 đồng để nhờ P làm giúp các thủ tục, tài liệu xác nhận nguồn gốc đất cho vào hồ sơ.

Trong quá trình thực hiện, P được Bùi Xuân Q thông báo thửa đất số 11 là đất CLN (đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 47 là đất BCS (đất bằng chưa sử dụng) đều do Ủy ban Nhân dân xã Hợp Tiến quản lý nên để thuận lợi nhanh chóng trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ nhà ông Kiềm đối với cả 03 thửa đất thì Q tự ý biên tập trong bản 02 bản trích lục bản đồ địa chính đối với thửa đất số 11, số 47 thành đất CLN (đất trồng cây lâu năm) và quy chủ sử dụng từ do Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến quản lý sang hộ nhà ông Kiềm là chủ sử dụng. Thấy Q trao đổi vậy thì Lành đã nảy sinh ý định vẫn làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cả 03 thửa đất nhưng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa số 47 Lành sẽ chiếm đoạt cho mình và Bùi Văn S là Trưởng xóm Vãng, xã Hợp Tiến (sau đó P có bàn bạc cụ thể với S về việc này và S đồng ý). Lành khai nhận khi nói cho Đức và Hoa biết ý định này thì T bảo “chú cứ làm hồ sơ đi, tiền của anh, anh thích cho ai thì cho”. Thấy T nói vậy Lành yên tâm hơn nên cùng Bùi Văn S tiếp tục tiến hành làm các thủ tục tại giai đoạn xác nhận nguồn gốc đất ở cấp xã. Đình Công Lành và Bùi Văn S đã mời 10 hộ gia đình tham gia cuộc họp lấy ý kiến khu dân cư xác định nguồn gốc và quá trình sử dụng các thửa đất của hộ gia đình ông Kiềm muốn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (S với vai trò là trưởng xóm là người chủ trì cuộc họp). Tại cuộc họp có ông Hoàng Văn Toán là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến tham gia. Các bị cáo chỉ phổ biến chung về nội dung cuộc họp như trên mà không nói rõ cụ thể về ranh, mốc giới và lô, thửa đất được lấy ý kiến. Sau đó phát ra 01 Phiếu lấy ý kiến khu dân cư để 10 hộ dân được tham gia họp ký xác nhận nguồn gốc các thửa đất của hộ gia đình ông Kiềm là sử dụng ổn định, lâu dài trước năm 1990 và không có tranh chấp rồi tiến hành niêm yết công khai các thủ tục theo quy định, hoàn thiện hồ sơ chuyển cho Hoa để Hoa chuyển đến bộ phận một cửa của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bôi. Tuy nhiên, hồ sơ bị trả lại với lý do các văn bản sai chính tả, sai thể thức và yêu cầu mỗi thửa đất phải lập riêng 01 phiếu lấy ý kiến khu dân cư. Bùi Mạnh Đức bảo Tạ Văn T tự đi sửa những văn bản sai, T giao lại cho Hoàng Văn Hoa cầm hồ sơ đi gặp hộ ông Kiềm và Đình Công Lành để làm lại. Đối với phiếu lấy ý kiến khu dân cư, Lành đưa cho S 03 phiếu để đi xin lại chữ ký của 10 hộ dân đã tham gia buổi họp từ trước. Tuy nhiên S sợ khi đi xin chữ ký sẽ bị các hộ dân hỏi nhiều làm lộ ra việc mình và Lành đang có ý định xác nhận sai về nguồn gốc đất và chiếm đoạt tiền chuyển nhượng của thửa đất số 47 nên nảy sinh ý định ký giả chữ ký 10 hộ dân. Việc giả mạo chữ ký S có hỏi ý kiến Lành và được Lành đồng ý. Khi Hoa mang hồ sơ đến Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến để Lành sửa lại,

hai bị cáo không nhớ là văn bản nào , chỉ nhớ chắc chắn văn bản này buộc phải có chữ ký của ông Kiêm nhưng Lành không gọi ông Kiêm đến Ủy ban để ký mà tự ký thay. Hoàng Văn Hoa đi ra hành lang chờ Lành sửa lại biên bản sai, sau đó nhận lại hồ sơ để đi nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bôi . Mục đích Lành ký thay là để làm được sổ đỏ nhanh nhất theo đề nghị của Đức , T và Hoa.

Khi hồ sơ ở giai đoạn tại Văn phòng đăng ký đất đai Kim Bôi, ngày 07/10/2021 Bùi Thị Tiền – Cán bộ thẩm định hồ sơ của Chi nhánh được Bùi Tuấn Đông – Giám đốc chi nhánh phân công nghiên cứu, xử lý hồ sơ. Do bận nhiều việc nên Tiền chưa nghiên cứu và xem hồ sơ luôn. Lành biết rằng sau khi hồ sơ xong giai đoạn của địa chính xã Hợp Tiến làm sẽ đến giai đoạn Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra , thẩm duyệt nên Lành bảo T tự đi lo phần cán bộ thẩm định của Chi nhánh. Về phần Tạ Văn T khi thấy thời gian đã lâu và hồ sơ chưa được thông qua nên đã chủ động liên lạc với Bùi Mạnh H đòi lại số tiền 20.000.000 đồng (trong số 100.000.000 đồng đã đưa trước đó) để đưa cho Bùi Thị Tiền nhờ Tiền giúp làm nhanh hồ sơ. T rủ Hoa đi cùng đến nhà gặp H để lấy tiền, trên đường đi T có trao đổi với Hoa về việc sẽ lấy lại 20.000.000 đồng từ H để đưa cho Tiền nhờ Tiền làm giúp nhanh hồ sơ (trước đó khi hồ sơ mới chuyển đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bôi thì Hoa cũng đã chủ động gọi điện cho Tiền xin gặp nhưng chưa gặp được), khi đến nhà H ở đối diện Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Kim Bôi thì Hoa đợi ở ngoài xe còn T vào nhà gặp H lấy lại số tiền 20.000.000 đồng và đi ra ngoài xe, T bảo Hoa gọi điện cho Tiền xuống để gặp với mục đích để đưa 20.000.000 đồng cho Tiền, Hoa cũng hiểu ý T bảo là gọi Tiền xuống để nhận 20.000.000 đồng để Tiền làm giúp hồ sơ nhanh và thuận lợi, Hoa gọi điện cho Tiền nói “có anh T dưới cổng, chị xuống để anh T trao đổi”, sau đó Tiền xuống cổng và vào xe ngồi ở ghế sau, lúc này trong xe có T và Hoa, T đưa cho Tiền phong bì có 20.000.000 đồng và nói với Tiền là “ Anh cảm ơn em làm giúp hồ sơ của hộ ông Kiêm, hồ sơ H nhận làm rồi, có gì em tạo điều kiện”, Tiền nhận phong bì 20.000.000 đồng và đi vào cơ quan (thời điểm Tiền nhận tiền từ T thì Tiền chưa nghiên cứu, xử lý và đề xuất gì đối với hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Kiêm). Sau đó Tiền đối chiếu trên bản đồ địa chính thì nhận thấy thửa số 11 là đất CLN (đất trồng cây lâu năm) còn thửa số 47 là đất BCS (đất bằng chưa sử dụng) và đều là đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý còn trong hồ sơ do ở cấp xã xác nhận và trong các trích lục bản đồ địa chính thì lại thể hiện cả hai thửa số 11, số 47 là đất CLN (đất trồng cây lâu năm), chủ sử dụng là hộ ông Kiêm, nguồn gốc là sử dụng lâu dài, ổn định, không có tranh chấp từ trước năm 1990 và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng do đã nhận 20.000.000 đồng từ T nên Tiền vẫn ký duyệt vào hồ sơ là đất đủ điều kiện cấp cho hộ ông Kiêm và trình hồ sơ lên cho Bùi Tuấn Đông. Khi trình hồ sơ lên cho

Đông vào ngày 25/11/2021, thì Tiên có nói với Đông là “hồ sơ này do anh H nhận làm, em đã kiểm tra trên bản đồ địa chính thì thửa số 47 thể hiện là đất BCS” (Tiên không nói gì với Đông về nguồn gốc của thửa số 11), Đông nói với Tiên “bản đồ địa chính nhiều khi thể hiện không chính xác, cứ để hồ sơ đây anh xem”. Sau đó Bùi Tuấn Đông ký xác nhận vào hồ sơ và hồ sơ được chuyển đến phòng Tài nguyên môi trường huyện Kim Bôi để tiến hành các thủ tục tiếp theo.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng của các thửa đất trên , các bị cáo tiếp tục làm thủ tục tách thửa đất số 103 thành hai thửa số 104 và số 105, thửa 105 thì để lại cho hộ ông Kiểm sử dụng và chuyển nhượng 03 thửa số 104, số 11, số 47 cho bà Lê Thị Thùy Linh. Tạ Văn T và Hoàng Văn Hoa đã làm Hợp đồng ủy quyền về việc hộ gia đình ông Kiểm ủy quyền cho Hoàng Văn Hoa đứng ra chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 03 thửa đất 104, số 11 và 47 cho bà Lê Thị Thùy Linh . Khi chuyển nhượng các thửa đất nói trên Tạ Văn T và Hoàng Văn Hoa đã soạn thảo số tiền ghi trên hợp đồng chuyển nhượng của cả ba thửa tổng cộng là 200.000.000 đồng, nhưng thực tế T, Hoa và bà Linh đã thỏa thuận và chuyển nhượng với số tiền là 3.900.000.000 đồng. Bà Linh đã thanh toán đủ cho T và Hoa số tiền này.

Khi biết đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã chuyển nhượng cho bà Linh , Lành và S đã chủ động liên hệ để đòi T và Hoa số tiền chuyển nhượng của thửa đất số 47. Các bị cáo hẹn gặp nhau tại nhà Hoa để giao nhận tiền. Nhưng Hoa có việc đi vắng nên đã để sẵn ra 200.000.000 đồng đưa cho vợ là Bùi Hồng Thắm , sinh năm: 1983, trú tại: xóm Ve, xã Đông Bắc để Thắm đưa lại cho T. Tại nhà Hoa, T và Lành đã tính ra số tiền chuyển nhượng của thửa đất số 47 theo giá đã mua từ hộ ông Kiểm là :  $874,5m^2 \times 220.000 \text{ đồng}/m^2 = 192.390.000 \text{ đồng}$ . T chỉ đưa cho Lành 190.000.000 đồng, còn 2.390.000 đồng T giữ lại. T gọi điện bảo Đức liên hệ với Lành để lấy số tiền mà hai bên đã hứa cho nhau từ trước và bảo Lành đưa cho Kỳ 20.000.000 đồng là tiền công môi giới việc mua bán đất . Khi về đến nhà Lành chuyển khoản cho Đức 34.000.000 đồng rồi đưa cho Kỳ 20.000.000 đồng theo yêu cầu của T. S và Lành mỗi người chia nhau 68.000.000 đồng.

Căn cứ đơn tố giác của nhân dân về việc có sai phạm trong cấp đất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bôi đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến vào các ngày 25/10/2022 và ngày 20/12/2022, đối chiếu với kết quả kiểm tra hiện trạng đất, theo Bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai (đến ngày 31/12/2019) tại xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, cho thấy: “Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 40, diện tích  $874,5m^2$  (loại đất: Bằng chưa sử dụng) và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 40, diện tích  $561,4m^2$  (loại đất: Cây lâu năm) là các thửa đất thuộc

*quyền quản lý của UBND xã Hợp Tiến, chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền chuyển đổi loại đất hoặc quy chủ cho hộ gia đình ông Bùi Văn Kiềm”.* Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất số 11 và 47 cho hộ gia đình ông Bùi Văn Kiềm đã vi phạm pháp luật về quản lý đất đai, đất chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận được hợp thức hóa thành đất đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó bán cho bên thứ ba để hưởng lợi bất chính.

Căn cứ nội dung trên Cơ quan điều tra đã tiến hành thu mẫu chữ ký, chữ viết của các cá nhân hộ có tên trong Phiếu lấy ý kiến khu dân cư xóm Vãng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình lập ngày 16/9/2021 để tiến hành giám định. Tại Bản kết luận giám định số: 308/KL-KTHS ngày 31/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hoà Bình kết luận: *“Toàn bộ chữ ký của những người có tên trong Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hộ ông Bùi Văn Kiềm đều bị giả mạo và chữ ký của ông Kiềm có trong hồ sơ cũng là giả mạo không phải do ông Kiềm ký ra”.*

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình kết luận:

*“Giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số: 47, tờ bản đồ số: 40; diện tích: 874,5m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: xóm Vãng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình tại thời điểm định giá ngày 01/12/2021 là 48.097.500 đồng; Giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số : 11, tờ bản đồ số : 40; diện tích: 561,4m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: xóm Vãng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình tại thời điểm định giá ngày 01/12/2021 là 30.877.000 đồng;*

*Tổng giá trị quyền sử dụng đất của cả 02 thửa đất tại thời điểm định giá ngày 01/12/2021 là 78.974.500 đồng.”*

*\* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:*

Đối với toàn bộ số tiền thu giữ trong quá trình điều tra từ các bị cáo gồm: Đinh Công P số tiền 86.000.000 đồng (trong đó 68.000.000 đồng là tiền hưởng lợi bất chính, 18.000.000 đồng là tiền trong số tiền 25.000.000 đồng nhận từ Bùi Mạnh H); Bùi Văn S số tiền 87.000.000 đồng (trong đó 68.000.000 đồng là số tiền hưởng lợi bất chính, 2.000.000 đồng nhận từ Đinh Công P được trích ra trong tổng số tiền 25.000.000 đồng P nhận từ H); Bùi Mạnh H số tiền 39.000.000 đồng (trong đó 34.000.000 đồng là tiền hưởng lợi bất chính từ việc chuyển nhượng thửa đất số 47 và 5.000.000 đồng là tiền hưởng lợi bất chính trong việc liên hệ làm thủ tục hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); Bùi Xuân Q số tiền 50.000.000 đồng (là tiền nhận từ Bùi Mạnh H); Bùi Thị Tiền số tiền 20.000.000 đồng (là tiền nhận từ Tạ Văn T và Hoàng Văn Hoa); Bùi Văn Kỳ số tiền 20.000.000 đồng (là tiền công nhận được trong việc môi giới

chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ nhà ông Kiềm và Tạ Văn T, Hoàng Văn Hoa); Bùi Tuấn Đông số tiền 10.000.000 đồng (là tiền nộp khắc phục hậu quả đối với thiệt hại của 02 thửa đất số 47, số 11); Tạ Văn T số tiền 12.390.000 đồng (trong đó 10.000.000 đồng là tiền nộp khắc phục hậu quả đối với thiệt hại của 02 thửa đất số 47, số 11, 2.390.000 đồng là tiền thu lời bất chính). Tổng số tiền thu giữ trong quá trình điều tra là 324.390.000 đồng đã được Cơ quan điều tra gửi bảo quản tại Kho bạc Nhà nước huyện Kim Bôi.

Đối với 01 máy tính để bàn nhãn hiệu SINGPC màu trắng - đen, cùng bộ nguồn, chuột, bàn phím, tình trạng đã qua sử dụng và 01 thẻ ngân hàng Agribank màu vàng cam, số thẻ: 9704.0510.8557. 4310, ghi hạn sử dụng từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 5 năm 2027 thu giữ của Bùi Mạnh H; 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo G 460, màu đen, kèm theo bộ sạc, đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu trắng-bạc, đã qua sử dụng thu giữ của Đinh Công P, được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi chờ xử lý.

Đối với 01 khẩu súng dài 125cm (một trăm hai mươi lăm centimet) thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Tạ Văn T vào ngày 24/11/2022, được bàn giao cho Đội Cảnh sát quản lý hành chính Công an huyện Kim Bôi bảo quản và xử lý theo quy định.

**Tại Bản án số 49/2023/HS-ST ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, quyết định:**

1. Căn cứ khoản 1, khoản 4 điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 17, điều 38, điều 50, điều 58 BLHS đối với các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q.

**Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q phạm tội: *Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.*

**Xử phạt:**

- Bị cáo **Đinh Công P 27 ( Hai mươi bảy ) tháng tù giam.** Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 12/11/2022 đến ngày 19/01/2023.

- Bị cáo **Bùi Văn S 23 ( Hai mươi ba ) tháng tù giam.** Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 12/11/2022 đến ngày 09/01/2023.

- Bị cáo **Bùi Xuân Q 22 ( Hai mươi hai ) tháng tù giam.** Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 15/11/2022 đến ngày 09/01/2023.

Cấm các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 ( hai ) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 điều 364 ; điểm b khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 17, điều 38, điều 50; điều 58 BLHS đối với bị cáo Tạ Văn T

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 364 ; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm h khoản 1 điều 52; điều 17, điều 38, điều 50, điều 58 BLHS đối với bị cáo Bùi Mạnh H.

**Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Tạ Văn T, Bùi Mạnh H phạm tội : *Đưa hối lộ*

**Xử phạt :**

- Bị cáo **Tạ Văn T 24 ( hai mươi bốn ) tháng tù giam**. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 24/11/2022 đến ngày 17/02/2023.

- Bị cáo **Bùi Mạnh H 15 ( Mười lăm ) tháng tù giam**. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2022 đến ngày 09/01/2023.

**3.Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp :** Căn cứ các Điều 288; 584 và Điều 590 BLDS; Điều 46; 48 BLHS điều 106 BLTTHS

- *Về TNDS:* Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho UBND huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình số tiền 78.974.500 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận của các bị cáo cụ thể :

Bị cáo Bùi Tuấn Đông, Bùi Xuân Q, Bùi Thị Tiên, Tạ Văn T mỗi bị cáo phải bồi thường 10.000.000đ ( mười triệu đồng ). Bị cáo Hoàng Văn Hoa phải bồi thường 6.974.500đ ( Sáu triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Xác nhận các bị cáo đã giao nộp đủ số tiền phải bồi thường thiệt hại nêu trên.

Trích trừ trong tổng số tiền 356.364.500 đồng đã thu giữ (Bao gồm 324.390.000 đồng cơ quan điều tra Công an huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình đã chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình và 31.974.500 đồng mà các bị cáo đã nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo các Biên lai THA các số 0002001 ngày 09/10/2023; số 0002002 ngày 13/10/2023; số 0002003 ngày 17/10/2023; số 0002004 ngày 23/10/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình) các khoản :

Số tiền 78.974.500đ ( bảy mươi tám triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng ) để bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Trả lại bị cáo Bùi Xuân Q 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Trả lại bị cáo Bùi Văn S 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền còn lại = 210.390.000đ (*Hai trăm mười triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*).

Buộc các thành viên trong hộ gia đình ông Bùi Văn Kiểm (gồm ông Bùi Văn Kiểm, bà Bùi Thị Châm, chị Bùi Thị Quyên, chị Bùi Thị Biển, chị Bùi Thị Hiền ) phải liên đới nộp lại số tiền 123.508.000đ (*Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm linh tám nghìn đồng*) để sung công quỹ nhà nước.

Truy thu của bị cáo Tạ Văn T 213.965.000 đ (*Hai trăm mười ba triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) và Hoàng Văn Hoa 216.991.000đ (*Hai trăm mười sáu triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng*) để sung công quỹ nhà nước.

Tiếp tục quản lý các số tiền 356.364.500 đồng đã thu giữ trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Kiến nghị Chi cục thuế khu vực Kim Bôi – Lạc Thủy xử lý vi phạm hành chính về hành vi gian lận trốn thuế, lệ phí trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất số 103, 11 và 47.

Ngoài ra Bản án còn tuyên 02 bị cáo khác phạm tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ và 01 bị cáo khác phạm tội Đưa hối lộ, tuyên hình phạt đối với 03 bị cáo đó, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

***Sau khi xét xử sơ thẩm:***

- Ngày 14/11/2023 bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc xin được giảm án.

- Ngày 21/11/2023 bị cáo Bùi Xuân Q có đơn kháng cáo xin giảm án và xin hưởng án treo.

- Ngày 15/11/2023 bị cáo Tạ Văn T có đơn kháng cáo: Bị cáo phạm tội Đưa hối lộ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 364 Bộ luật hình sự, không phạm tội Đưa hối lộ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự, bởi số tiền 100 triệu đồng bị cáo đưa cho bị cáo Bùi Mạnh H là tiền để H nộp thuế, phí, lệ phí và tiền công cho H, không có sự thỏa thuận hay trao đổi gì với H về việc đưa hối lộ cho ai, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, đồng thời bị cáo xin giảm án và xin hưởng án treo.

- Ngày 17/11/2023 bị cáo Bùi Mạnh H có đơn kháng cáo xin giảm án.

- Ngày 21/11/2023 Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn Kiểm, bà Bùi Thị Châm, chị Bùi Thị Hiền, chị Bùi Thị Quyên, chị Bùi Thị Biển kháng cáo về việc không đồng ý nộp số tiền 123.508.000 đồng tuyên theo bản án sơ thẩm.

***Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm:***

Ngày 04/01/2024 bị cáo Đinh Công P và bị cáo Bùi Văn S có đơn thay đổi kháng cáo, nội dung các bị cáo xin giảm án và xin hưởng án treo.

Bị cáo P nộp bổ sung: Đơn xin xác nhận của chính quyền địa phương xác nhận bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình.

Bị cáo S nộp bổ sung: Đơn xin xác nhận của chính quyền địa phương bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình, hồ sơ bệnh án về bệnh khớp và bệnh dạ dày của mẹ bị cáo, giấy tờ tài liệu thể hiện có thời gian bị cáo tham gia quân đội.

Bị cáo Q nộp bổ sung: Đơn xin xác nhận của chính quyền địa phương bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình; giấy tờ tài liệu chứng minh gia đình bị cáo có công với cách mạng.

Bị cáo T nộp bổ sung: Đơn xin xác nhận của chính quyền địa phương bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình, các biên lai thể hiện bị cáo đã nộp 200 đồng tiền án phí HSST và 213.965.000 đ tiền thu lời bất chính tuyên theo bản án sơ thẩm.

Bị cáo H nộp bổ sung: Đơn xin xác nhận của chính quyền địa phương bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình, biên lai thể hiện bị cáo đã nộp 200 đồng tiền án phí HSST đã tuyên theo bản án sơ thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Các Bị cáo và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên kháng cáo.

Bị cáo Tạ Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo thừa nhận đã 02 lần đưa hối lộ, cụ thể “ bị cáo và H đã trao đổi bàn bạc thống nhất ý chí trong việc hối lộ bị cáo P số tiền 25 triệu đồng để nhờ P hoàn thiện hồ sơ cấp sổ cho hộ ông Kiềm và bị cáo đã cùng bị cáo Hoa trực tiếp gặp và đưa cho bị cáo Tiên 20.000.000 đồng nhằm mục đích nhờ Tiên xử lý hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kiềm được nhanh chóng và thuận lợi” đúng như cáo trạng đã truy tố.

Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo S, bị cáo Q: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo S, Q được giảm án và hưởng án treo, bị cáo Q, S có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Nghị quyết số 02.

***Đại diện VKSND tỉnh Hoà Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định về pháp luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q, Bùi Mạnh H về việc xin giảm hình phạt; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Văn Q về việc xin cho hưởng án treo; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Văn T về việc xin giảm án; Chấp

nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Văn T về việc xin hưởng án treo; Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Bùi Văn Kiểm, bà Bùi Thị Châm, chị Bùi Thị Hiền, chị Bùi Thị Quyên, chị Bùi Thị Biển; Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về: Phần hình phạt đối với các bị cáo P, S, Q, T, H; phân trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp. Cụ thể:

Áp dụng khoản 1, khoản 4 điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 17, điều 38, điều 50, điều 58 BLHS. Xử phạt:

- Bị cáo Đinh Công P từ 20-24 tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 12/11/2022 đến ngày 19/01/2023.

- Bị cáo Bùi Văn S từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 12/11/2022 đến ngày 09/01/2023.

- Bị cáo Bùi Xuân Q từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 15/11/2022 đến ngày 09/01/2023.

Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 364 ; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 17, điều 50; điều 65 BLHS xử phạt Bị cáo Tạ Văn T 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng .

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 364 ; điểm b, i, s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 50, điều 58; điều 38 BLHS xử phạt Bị cáo Bùi Mạnh H từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2022 đến ngày 09/01/2023.

Về phân trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp:

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị Linh, cấp cho hộ ông Kiểm đối với thửa đất số 11, 47.

- Trả lại cho Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến thửa đất số 11, 47 để UBND xã Hợp Tiến tiếp tục quản lý.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo hưởng lợi bất chính.

- Buộc các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hoàn trả chị Linh số tiền đã ăn chia, hưởng lợi từ việc chuyển nhượng thửa đất số 11, 47.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong thời gian luật định và hợp lệ.

[2].Về nội dung : Tại phiên tòa phúc thẩm , Các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q, Tạ Văn T, Bùi Mạnh H khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã nêu , phù hợp với lời khai của các bị cáo khác , phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm, vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ khẳng định:

*Đối với nhóm bị cáo bị truy tố về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ :*

Các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q, Bùi Thị Tiền, Bùi Tuấn Đông đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ dẫn đến sai phạm trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 11 diện tích 561,4 m<sup>2</sup> và thửa đất số 47 diện tích 874,5 m<sup>2</sup>, đều thuộc tờ bản đồ số 40 địa chỉ tại xóm Vãng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, là đất không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định về pháp luật đất đai, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 78.974.500 đồng.

Cụ thể hành vi, vai trò của từng bị cáo như sau :

- Đối với bị cáo Đinh Công P là Công chức địa chính của Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi và bị cáo Bùi Văn S là trưởng xóm Vãng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi mặc dù biết rõ cả 02 thửa đất số 11 và 47 đều là đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến và không đủ điều kiện cấp Giấy CNQSD cho hộ ông Bùi Văn Kiểm. Nhưng vì động cơ vụ lợi P đã nhận số tiền 25.000.000 đồng từ T và H. Đồng thời P và S cùng có ý định chiếm đoạt số tiền chuyển nhượng của thửa đất số 47. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao Đinh Công P và Bùi Văn S đã cố ý xác nhận sai nguồn gốc và đối tượng sử dụng đất, lập không Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đối với hai thửa đất số 11 và 47, giả mạo chữ ký của ông Bùi Văn Kiểm trong hồ sơ, trình ông Bùi Văn Toán là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến ký xác nhận là cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với 02 thửa đất số 11, số 47 là đất không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 99, Luật Đất đai năm 2013.

Hai bị cáo đã thực hiện hành vi trái công vụ quy định tại khoản 04 Điều 21 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định đối với Căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định, cụ thể: *“Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 02 Điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư*

(thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất”. Gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 78.974.500 đồng.

- Đối với bị cáo Bùi Thị Tiền là cán bộ thẩm định hồ sơ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bôi . Mặc dù biết rõ cả 02 thửa đất số 11 và 47 đều là đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến và không đủ điều kiện để cấp cho hộ ông Bùi Văn Kiềm. Nhưng vì động cơ vụ lợi đã nhận số tiền 20.000.000 đồng từ Tạ Văn T. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao quy định tại “điểm 02, mục II, Phân công nhiệm vụ đối với viên chức, người lao động Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bôi, ban hành kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-VPĐKĐĐ, ngày 04/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình”, Bùi Thị Tiền đã cố ý xác nhận hộ ông Bùi Văn Kiềm đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 11 và 47 là cơ sở để UBND huyện Kim Bôi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 99 Luật Đất đai năm 2013. Bùi Thị Tiền thực hiện hành vi trái công vụ quy định tại khoản 05 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định đối với Căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định, cụ thể: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 01/07/2004, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau: a. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hình thức nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất...”. Gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 78.974.500 đồng.

- Đối với bị cáo Bùi Xuân Q với vai trò là cán bộ thực hiện trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bôi mặc dù biết rõ cả 02 thửa đất số 11 và 47 đều là đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến và không đủ điều kiện để cấp cho hộ ông Kiềm. Nhưng vì động cơ cá nhân, để tạo điều kiện cho Bùi Mạnh H trong việc làm các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kiềm. Lợi dụng chức vụ được giao quy định tại “điểm 5, mục III, Phân công nhiệm vụ đối với viên chức, người lao động Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bôi, ban hành kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-VPĐKĐĐ, ngày 04/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình”, Bùi Xuân Q đã cố ý xác định sai nguồn gốc và đối tượng sử dụng đất, bằng việc lập không 02 bản “Trích lục bản đồ địa chính” đối với 02 thửa đất số 11 và 47, là cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định tại Điều 99 Luật Đất đai năm 2013. Bùi Xuân Q thực hiện hành vi trái công vụ quy định tại điểm d, điểm đ khoản 01 Điều 17

Nghị định số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của của Bộ Tài nguyên và môi trường, cụ thể:

*“Điều 17: Căn cứ Đo đạc chỉnh lý, bổ sung, đo vẽ lại Bản đồ địa chính:*

*1.Chỉnh lý bản đồ địa chính:*

*1.1. Việc chỉnh lý bản đồ địa chính thực hiện trong các trường hợp sau:*

*a. Xuất hiện thửa đất và các đối tượng chiếm đất mới (Trừ các đối tượng là công trình xây dựng và tài sản trên đất);b. Thay đổi ranh giới thửa đất và các đối tượng chiếm đất (Trừ các đối tượng là công trình xây dựng và tài sản trên đất);c. Thay đổi diện tích đất; d.Thay đổi mục đích sử dụng đất; đ.Thay đổi thông tin về tình trạng pháp lý của thửa đất...”.*

Hành vi của Bùi Xuân Q dẫn đến gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền : 78.974.500 đồng.

- Đối với bị cáo Bùi Tuấn Đông là Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bôi. Qua báo cáo của Bùi Thị Tiên, Đông biết rõ thửa đất số 47 đang là loại đất BCS (đất bằng chưa sử dụng), thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến và không đủ điều kiện để cấp cho hộ ông Bùi Văn Kiềm (Đối với thửa số 11 thì Bùi Thị Tiên khi trình hồ sơ lên không báo cáo với Đông là đất do Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến quản lý và trong hồ sơ thể hiện thửa số 11 là đất CLN – đất trồng cây lâu năm, chủ sử dụng là hộ ông Bùi Văn Kiềm, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến về việc hộ ông Kiềm sử dụng ổn định lâu dài, không có tranh chấp). Nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân khi biết em trai mình là Bùi Mạnh H là người nhận làm các thủ tục, hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn Kiềm. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao quy định tại “điểm 1, mục I, Phân công nhiệm vụ đối với viên chức, người lao động Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bôi, ban hành kèm theo Quyết định số : 144/QĐ-VPĐKĐĐ, ngày 04/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình”, Bùi Tuấn Đông đã cố ý ký xác nhận hộ ông Bùi Văn Kiềm đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 47, thiếu trách nhiệm trong việc ký xác nhận cho hộ ông Bùi Văn Kiềm đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 11, là cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 11 và 47, là đất không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 99 Luật Đất đai năm 2013. Bùi Tuấn Đông thực hiện hành vi trái công vụ quy định tại khoản 05 Điều 20 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định đối với Căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định, cụ thể: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 01/07/2004, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau: a.

*Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hình thức nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất...”,* gây thiệt hại cho nhà nước đối với thửa đất số 47 là 48.097.500 đồng (do cố ý), đối với thửa số 11 là 30.877.000 đồng (do thiếu trách nhiệm).

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại về tài sản mà còn xâm hại đến sự hoạt động đúng đắn của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai, làm mất uy tín, niềm tin của Nhân dân vào người lãnh đạo, cán bộ cơ quan, tổ chức và công tác quản lý đất đai của Nhà nước. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ quy định tại khoản 01 Điều 356 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi nêu trên của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố tình thực hiện. Cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 điều 356 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

*Đối với nhóm bị cáo bị truy tố về tội Đưa hối lộ:*

Xét các lời khai, bản tường trình của bị cáo T tại các bút lục số 1142; 1144; 1147; 1154; 1484; 1603; 1604; 1607; 1608 đều có nội dung thừa nhận giữa T và H đã trao đổi bàn bạc thống nhất ý chí trong việc hối lộ bị cáo P số tiền 25 triệu đồng để nhờ P hoàn thiện hồ sơ cấp sổ cho hộ ông Kiểm. Những lời khai này của T phù hợp với lời khai của H và P tại phiên tòa cũng như tại các bút lục số 1125; 1126; 1127; 1130; 1442; 1446; 1448; 1729. Hơn nữa tin nhắn Zalo giữa T và P cũng thể hiện có sự trao đổi, thúc giục P làm nhanh hồ sơ. Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở khẳng định bị cáo T giữ vai trò đồng phạm với bị cáo H. Ngoài ra bị cáo T đã cùng bị cáo Hoa trực tiếp gặp và đưa cho bị cáo Tiền 20.000.000 đồng nhằm mục đích nhờ Tiền xử lý hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kiểm được nhanh chóng và thuận lợi.

Hành vi của các bị cáo T, H, Hoa là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến sự hoạt động đúng đắn của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai làm mất uy tín, niềm tin của Nhân dân vào hoạt động của cán bộ công chức làm thái hóa biến chất cán bộ, công chức Nhà nước gián tiếp dẫn đến sai phạm trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 78.974.500 đồng. Các Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo T, H, Hoa đã đủ yếu tố cấu thành tội Đưa hối lộ theo quy định tại Điều 364 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo T, H, Hoa về tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại Điều 364 Bộ luật Hình sự Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

*[3] Xét kháng cáo của các bị cáo và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

*[3.1] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q:*

*\* Đối với kháng cáo của các bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt:*

- Bị cáo Đinh Công P là Công chức địa chính của Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, là người có hiểu biết pháp luật, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng vẫn cố ý phạm tội. Bản án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự “*có nhân thân tốt, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính, là người dân tộc thiểu số, có ông ngoại được Nhà nước tặng thưởng 02 huy chương kháng chiến hạng nhất và 01 Bằng khen*” để xử phạt bị cáo 27 tháng tù. Xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo và giao nộp các tài liệu, chứng cứ thể hiện: “*bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương và hiện bị cáo đang bị bệnh cao huyết áp*”, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần được áp dụng đối với bị cáo. Vì vậy có căn cứ để HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

- Bị cáo Bùi Văn S là Trưởng xóm Vãng, xã Hợp Tiến, đồng phạm với Đinh Công P, Bản án sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS “*có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả, đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính, là người dân tộc thiểu số, bị cáo được tặng danh hiệu chiến sĩ tiên tiến năm 2011 và tặng Giấy khen năm 2019, có ông ngoại được tặng huân chương chiến sĩ giải phóng*” và tuyên phạt mức hình phạt 23 tháng tù. Tuy nhiên nhận thấy: Bị cáo là đồng phạm giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, số tiền hưởng lợi không lớn. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, khắc phục toàn bộ hậu quả, thể hiện ăn năn hối cải. Bị cáo lần đầu phạm tội, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Bùi Văn S cung cấp tài liệu mới gồm: “*Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có mẹ bị bệnh viêm khớp và viêm dạ dày, vợ không có việc làm ổn định vừa sinh con 2023, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo có thời gian tham gia quân đội được tặng chiến sĩ tiên tiến trong phong trào thi đua quyết thắng năm 2021*”. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần được áp dụng cho bị cáo. Xét thấy giảm một phần hình phạt cho bị cáo vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung nên giảm nhẹ một phần hình phạt

đối với bị cáo, đây cũng là thể hiện tính nhân văn, chính sách khoan hồng của pháp luật XHCN Việt Nam.

- Đối với bị cáo Bùi Xuân Q Là cán bộ thực hiện trích đo địa chính của Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện Kim Bôi là đồng phạm trong vụ án, lợi dụng chức vụ thực hiện hành vi trái công vụ. Bản án sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS *“Thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả (10 triệu), là người dân tộc thiểu số”* và xử phạt bị cáo 24 tháng tù. Tuy nhiên nhận thấy: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do nể nang mối quan hệ thân thiết với bị cáo Bùi Mạnh H (em trai của bị cáo Bùi Tuấn Đông - người quyết định các thủ tục để được cấp đất ). Xác định bị cáo là đồng phạm có vai trò thứ yếu trong vụ án. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, khắc phục toàn bộ hậu quả, thể hiện ăn năn hối cải. Bị cáo lần đầu phạm tội, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Bùi Văn Q cung cấp tài liệu mới gồm: *“Bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương; gia đình có công với cách mạng (Có bố đẻ là Bùi Xuân Quý được tặng huân chương chiến sỹ vẻ vang năm 1996 và huân chương chiến công năm 1989; có ông nội là Bùi Văn Nam được tặng kỷ niệm chương thanh niên xung phong và có ông Bùi Văn Phong là em ruột ông nội bị cáo là liệt sỹ)”*, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần được áp dụng cho bị cáo. Xét thấy giảm một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận, vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, đây cũng là thể hiện tính nhân văn, chính sách khoan hồng của pháp luật XHCN Việt Nam.

*\* Đối với kháng cáo của các bị cáo về việc xin hưởng án treo:*

Xét Bị cáo Đinh Công P là Công chức địa chính của Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, Bị cáo Bùi văn S là Trưởng xóm Vãng- xã Hợp Tiến là đồng phạm với Đinh Công P, bị cáo Bùi Xuân Q Là cán bộ thực hiện trích đo địa chính của Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện Kim Bôi là đồng phạm trong vụ án, các bị cáo là người có hiểu biết pháp luật, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng vẫn cố ý phạm tội, các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi, bị cáo Bùi Xuân Q lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội và trong vụ án bị cáo giữ vai trò giúp sức, hành vi của các bị cáo đã xâm hại sự hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, đã làm ảnh hưởng đến tình hình chính trị địa phương, làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng Nhà nước, nhất là trong giai đoạn hiện nay khi Đảng và Nhà nước ta đang ra sức phòng chống tham nhũng. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo P, S, Q về việc xin cho hưởng án treo.

*[3.2] Xét kháng cáo của bị cáo Tạ Văn T về việc xin giảm án:*

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Tạ Văn T và Bùi Mạnh H đã trao đổi bàn bạc thống nhất ý chí trong việc hối lộ bị cáo P số tiền 25 triệu đồng để nhờ P hoàn thiện hồ sơ cấp sổ cho hộ ông Kiềm và bị cáo đã cùng bị cáo Hoa trực tiếp gặp và đưa cho bị cáo Tiền 20.000.000 đồng nhằm mục đích nhờ Tiền xử lý hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kiềm được nhanh chóng và thuận lợi. Vì vậy cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội đưa hối lộ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có cơ sở giảm hình phạt cho bị cáo T.

Về nội dung kháng cáo của bị cáo T về việc xin hưởng án treo: Nhận thấy Bản án cấp sơ thẩm đã xem xét: *“Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm: Có nhân thân tốt, đã tích cực khắc phục hậu quả và tự nguyện nộp lại một phần số tiền hưởng lợi bất chính, bố bị cáo là người có công được nhà nước khen thưởng”* theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS để xử phạt bị cáo mức hình phạt 24 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên về biện pháp chấp hành hình phạt nhận thấy sau khi phạm tội cũng đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Mặt khác tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu mới gồm: *“bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình có đơn xin xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo đã nộp 200 đồng tiền án phí HSST và 213.965.000 đ tiền thu lời bất chính đã tuyên theo bản án sơ thẩm”*. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét áp dụng cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án tiền sự. Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Chính vì vậy, cho bị cáo được hưởng án treo vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung đây cũng là thể hiện tính nhân văn, chính sách khoan hồng của pháp luật XHCN Việt Nam.

*[3.3] Xét kháng cáo xin giảm án của bị cáo Bùi Mạnh H:*

Sau khi được bị cáo Tạ Văn T bàn bạc, lợi dụng có mối quan hệ gia đình đối với bị cáo Bùi Tuấn Đông( là Giám đốc TT đăng ký QSDĐ huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình) nên bị cáo H đã cùng với các bị cáo khác thực hiện hành vi đưa hối lộ để nhằm hưởng lợi. Bản án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *“thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả và tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính, bị cáo đã từng tham gia quân đội được Chủ tịch nước tặng huân chương chiến sĩ vẻ vang các năm 2011 và 2014”* theo quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 15 tháng tù là có phần nghiêm

khắc bởi lẽ bị cáo là đồng phạm về tội đưa hối lộ có vai trò thứ yếu. Tội danh của bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Mặt khác Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu mới gồm: *“Có đơn xin xác nhận của chính quyền địa phương bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình, bố mất sớm, phải nuôi mẹ già thường xuyên ốm đau, có vợ không có việc làm ổn định phải nuôi con nhỏ 17 tháng tuổi. Ngoài ra bị cáo đã chấp hành nộp 200 đồng tiền án phí HSST tuyên theo bản án sơ thẩm”*. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng cho bị cáo. Do đó có căn cứ để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

*[3.4] Xét kháng cáo của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn Kiềm, bà Bùi Thị Châm, chị Bùi Thị Hiền, chị Bùi Thị Quyên, chị Bùi Thị Biển về việc không đồng ý nộp số tiền 123.508.000 đồng tuyên theo bản án sơ thẩm:*

Xét thấy: Thửa đất số 11 và 47 thuộc tờ bản đồ số 40 tại xóm Vãng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình là đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến- huyện Kim Bôi, là đất không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định về pháp luật đất đai và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn Kiềm, nhưng các bị cáo trong nhóm tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ đã vì động cơ vụ lợi, vì động cơ cá nhân nên đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao trong khi thi hành công vụ dẫn đến sai phạm trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 11, 47, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 78.974.500 đồng. Sau khi thửa đất số 11 và 47 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kiềm các bị cáo đã chuyển nhượng lại cho chị Lê Thị Thùy Linh, giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 11 và 47 đã mang tên chị Linh. Xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 11 và 47 cho hộ ông Kiềm là trái pháp luật nên việc các bị cáo chuyển nhượng lại các thửa đất số 11 và 47 cho chị Linh và chị Linh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 11, 47 cũng là trái pháp luật. Do đó Căn cứ theo quy định tại điểm h, khoản 3 Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử kiến nghị UBND huyện Kim Bôi thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị Lê Thị Thùy Linh và hộ ông Bùi Văn Kiềm đối với thửa đất số 11, 47; căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo đã được hưởng lợi bất chính, trả lại thửa đất số 11 và 47 cho Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến để UBND xã Hợp Tiến tiếp tục quản lý, buộc các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hoàn trả cho chị Linh số tiền đã ăn chia, hưởng lợi từ việc chuyển nhượng thửa đất số 11, 47.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “các thửa đất số 11 và 47 được các bị cáo chuyển nhượng lại cho người thứ ba ngay tình là chị Linh và không kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 11, 47 cấp cho chị Linh, hộ ông Kiềm” đồng thời tuyên buộc “các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho UBND huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình số tiền là 78.974.500 đồng và truy thu để nộp sung ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo ăn chia, hưởng lợi bất chính từ việc bán thửa đất số 11, 47” là trái pháp luật. Do đó những vấn đề này cần được khắc phục ở cấp phúc thẩm. Cụ thể:

\* Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị Linh, cấp cho hộ ông Kiềm đối với thửa đất số 11, 47.

\* Trả lại cho Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến thửa đất số 11, 47 để UBND xã Hợp Tiến tiếp tục quản lý.

\* Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo hưởng lợi bất chính:

- Cửa bị cáo Đinh Công P: 23.000.000 đồng (tiền trong số tiền 25 triệu đồng bị cáo nhận từ Bùi Mạnh H)

- Cửa bị cáo Bùi Văn S: 2 triệu đồng (tiền bị cáo nhận từ Đinh Công P được trích ra trong tổng số tiền 25 triệu đồng P nhận từ H)

- Cửa bị cáo Bùi Thị Tiền: 20 triệu đồng (tiền nhận từ Tạ Văn T và Hoàng Văn Hoa)

- Cửa bị cáo Bùi Mạnh H: 5 triệu đồng (tiền hưởng lợi bất chính trong việc liên hệ làm thủ tục hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

\* Cần buộc các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải trả số tiền chuyển nhượng QSD thửa số 11 và 47 cho chị Linh, do các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã ăn chia, hưởng lợi bất chính, cụ thể:

Chị Lê Thị Thùy Linh nhận chuyển nhượng cả 03 thửa : 103, 11 và 47 có tổng diện tích =  $7.331,5\text{m}^2$  với giá 3,9 tỷ tương đương = 531.951 đồng/ $\text{m}^2$

Như vậy :

Số tiền chuyển nhượng thửa số 11 =  $561,4\text{ m}^2 \times 531.951\text{ đồng}/1\text{ m}^2 = 298.637.000\text{đ}$  (Hai trăm chín mươi tám triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng)

Số tiền chuyển nhượng thửa số 47 =  $874,5\text{ m}^2 \times 531.951\text{ đồng}/1\text{ m}^2 = 465.191.000\text{đ}$  (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng)

Tổng cộng tiền chuyển nhượng 2 thửa 11 và 47 = 763.828.000đ (bảy trăm sáu mươi ba triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Căn cứ các chứng cứ tài liệu có trong Hồ sơ vụ án, xác định số tiền này các bị cáo, những người liên quan đã ăn chia và nộp lại trong quá trình điều tra nên

cần buộc các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải hoàn trả chi Lê Thị Thùy Linh 763.828.000 đồng, cụ thể:

Đối với thửa số 47: Bùi Văn S được ăn chia 68.000.000 đồng, Bùi Văn P được ăn chia 68.000.000 đồng, Bùi Mạnh H ăn chia 34.000.000 đồng, Bùi Văn Kỳ được ăn chia 20.000.000 đồng, Tạ Văn T giữ lại 2.390.000 đồng (các bị cáo đã nộp lại đủ). Tổng cộng = 192.390.000 đồng.

Đối với thửa số 11: Xét thửa số 11 không đủ điều kiện cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Kiềm nhưng hộ ông Kiềm đã được nhận tiền chuyển nhượng thửa số 11 ( với đơn giá chuyển nhượng 220.000 đồng/1m<sup>2</sup> ) = 123.508.000 đồng nên cần buộc hộ ông Kiềm hoàn trả chi Linh số tiền 123.508.000 đồng.

Như vậy bị cáo T Hoa còn phải trả chi Linh:

763.828.000 đồng (Tổng tiền bán thửa 11 và 47) - 192.390.000 đồng (Tiền bán thửa 11 và 47 đã nộp lại trong quá trình điều tra) - 123.508.000 đồng (Tiền bán thửa 11 và 47 đã giao cho hộ ông Kiềm), còn lại = 447.930.000 đồng.

Do các bị cáo T, Hoa đều thống nhất khai tiền bán đất ăn chia 50/50 nên mỗi bị cáo được hưởng là 447.930.000 đồng/2 = 223.965.000 đồng nên cần buộc mỗi bị cáo T, Hoa trả chi Linh số tiền 223.965.000 đồng.

Tổng cộng bị cáo Tạ Văn T phải hoàn trả chi Linh số tiền: 223.965.000 đồng + 2.390.000 đồng = 226.355.000 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận về mức bồi thường thiệt hại và nộp khắc phục hậu quả cụ thể:

- Bùi Tuấn Đông, Bùi Xuân Q, Bùi Thị Tiền, Tạ Văn T mỗi bị cáo đã nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Hoàng Văn Hoa đã nộp 6.974.500đ (Sáu triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Nay Tòa không buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho UBND huyện Kim Bôi như cấp sơ thẩm đã tuyên nên cần trả lại các bị cáo Bùi Tuấn Đông, Bùi Xuân Q, Bùi Thị Tiền mỗi bị cáo số tiền 10.000.000đ đã nộp và giữ lại: Số tiền 6.974.500đ bị cáo Hoa đã nộp và 10 triệu bị cáo T đã nộp để hoàn trả cho chi Linh.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo T đã nộp thêm số tiền 213.965.000 đồng để khắc phục hậu quả nên cần tiếp tục giữ lại số tiền này để hoàn trả cho chi Linh.

Như vậy kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Bùi Văn Kiềm, bà Bùi Thị Chậm, chị Bùi Thị Hiền, chị Bùi Thị Quyên, chị Bùi Thị Biển về việc không chấp nhận liên đới nộp lại số tiền 123.508.000 đồng được hưởng lợi từ việc bán thửa đất số 11 là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Văn Q, Bùi Mạnh H về việc xin giảm hình phạt; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Văn Q về việc xin cho hưởng án treo; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Văn T về việc xin giảm án; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Văn T về việc xin hưởng án treo; Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Bùi Văn Kiềm, bà Bùi Thị Chậm, chị Bùi Thị Hiền, chị Bùi Thị Quyên, chị Bùi Thị Biển; Sửa một phần Bản án số 49/2023/HS-ST ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi về: Phần hình phạt đối với các bị cáo P, S, Q, T, H; phần trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Các Bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q, Tạ Văn T, Bùi Mạnh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Kiềm, bà Bùi Thị Chậm, chị Bùi Thị Hiền, chị Bùi Thị Quyên, chị Bùi Thị Biển phải liên đới chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357; Điều 343 Bộ luật tố tụng hình sự;*

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q, Bùi Mạnh H về việc xin giảm hình phạt.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q về việc xin cho hưởng án treo.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Văn T về việc xin giảm hình phạt.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Văn T về việc xin cho hưởng án treo.

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Bùi Văn Kiềm, bà Bùi Thị Chậm, chị Bùi Thị Hiền, chị Bùi Thị Quyên, chị Bùi Thị Biển.

- Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 49/2023/HSST ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình: Về phần hình phạt đối với các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q, Tạ Văn T, Bùi Mạnh H; Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp. Cụ thể:

*[1] Căn cứ khoản 1, khoản 4 điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 17, điều 38, điều 50, điều 58 BLHS đối với các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q.*

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q phạm tội: *Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.*

Xử phạt:

- Bị cáo **Đinh Công P 24 (hai mươi bốn) tháng tù**. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 12/11/2022 đến ngày 19/01/2023.

- Bị cáo **Bùi Văn S 12 (mười hai) tháng tù**. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 12/11/2022 đến ngày 09/01/2023.

- Bị cáo **Bùi Xuân Q 12 (mười hai) tháng tù**. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 15/11/2022 đến ngày 09/01/2023.

*[2] Căn cứ điểm đ khoản 2 điều 364 ; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 17, điều 65, điều 50; điều 58 BLHS đối với bị cáo Tạ Văn T*

*Căn cứ điểm a khoản 1 điều 364 ; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm h khoản 1 điều 52; điều 17, điều 38, điều 50, điều 58 BLHS đối với bị cáo Bùi Mạnh H.*

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Tạ Văn T, Bùi Mạnh H phạm tội: *Đưa hối lộ.*

Xử phạt:

- Bị cáo **Tạ Văn T 24 (hai mươi bốn ) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Tạ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Tú Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.*

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

- Bị cáo **Bùi Mạnh H 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2022 đến ngày 09/01/2023.

*[3] Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp:*

*Căn Điều 288 Bộ luật dân sự; Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:*

[3.1] Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi – tỉnh Hòa Bình thu hồi:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CB 158097, do Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp ngày 01/4/2022 đứng tên bà Lê Thị Thùy Linh đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 40, diện tích 561,4 m<sup>2</sup>, địa chỉ: xóm Văng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CB 158098, do Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp ngày 01/4/2022 đứng tên bà Lê Thị Thùy Linh đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 40, diện tích 874,5m<sup>2</sup>, địa chỉ: xóm Văng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DC 713078, do Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp ngày 01/12/2021 đứng tên hộ ông Bùi Văn Kiểm đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 40, diện tích 561,4 m<sup>2</sup>, địa chỉ: xóm Văng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DC 713079, do Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp ngày 01/12/2021 đứng tên hộ ông Bùi Văn Kiểm đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 40, diện tích 874,5 m<sup>2</sup>, địa chỉ: xóm Văng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

[3.2] Trả lại cho Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến – huyện Kim Bôi – tỉnh Hòa Bình thửa đất số 11 (*diện tích 561,4m<sup>2</sup>*), 47 (*diện tích 874,5m<sup>2</sup>*) thuộc tờ bản đồ số 40, tại xóm Văng, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình để UBND xã Hợp Tiến tiếp tục quản lý.

[3.3] Truy thu sung ngân sách Nhà nước:

- Cửa bị cáo Đinh Công P: 23.000.000 đ (*Hai mươi ba triệu đồng*)

- Cửa bị cáo Bùi Văn S: 2.000.000 đ (*Hai triệu đồng*)

- Cửa bị cáo Bùi Thị Tiên: 20.000.000 đ (*Hai mươi triệu đồng*)

- Cửa bị cáo Bùi Mạnh H: 5.000.000 đ (*Năm triệu đồng*)

[3.4] Buộc các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hoàn trả cho chị Lê Thị Thùy Linh tổng số tiền 763.828.000 đ (*bảy trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn đồng*), trong đó:

- Buộc Bị cáo Bùi Văn S hoàn trả chị Linh số tiền 68.000.000đ (*sáu mươi tám triệu đồng*).

- Buộc Bị cáo Bùi Văn P hoàn trả chị Linh số tiền 68.000.000đ (*sáu mươi tám triệu đồng*).

- Buộc Bị cáo Bùi Mạnh H hoàn trả chị Linh số tiền 34.000.000đ (*ba mươi tư triệu đồng*)

- Buộc Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn Kỳ hoàn trả chị Linh số tiền 20.000.000 đ (*hai mươi triệu đồng*).

- Buộc Bị cáo Tạ Văn T hoàn trả chị Linh số tiền 226.355.000 đ (*hai trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

- Buộc Bị cáo Hoàng Văn Hoa hoàn trả chị Linh: 223.965.000 đ (*hai trăm hai mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

- Buộc các thành viên trong hộ gia đình ông Bùi Văn Kiêm (gồm ông Bùi Văn Kiêm, bà Bùi Thị Châm, chị Bùi Thị Quyên, chị Bùi Thị Biển, chị Bùi Thị Hiền) phải liên đới hoàn trả cho chị Linh số tiền 123.508.000đ (*Một trăm hai mươi ba triệu, năm trăm linh tám nghìn đồng*).

Xác nhận các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã giao nộp tổng cộng số tiền là **570.329.500 đồng** (Bao gồm **324.390.000 đồng** cơ quan điều tra Công an huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình đã chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; **31.974.500 đồng** mà các bị cáo đã nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo các Biên lai THA các số 0002001 ngày 09/10/2023; số 0002002 ngày 13/10/2023; số 0002003 ngày 17/10/2023; số 0002004 ngày 23/10/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; **213.965.000 đồng** bị cáo Tạ Văn T đã nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm tại biên lai số 0002020 ngày 25 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình), Trong đó: Đình Công P nộp số tiền 91.000.000 đồng (86 triệu đồng + 5 triệu đồng); Bùi Văn S nộp số tiền 87.000.000 đồng; Bùi Mạnh H nộp số tiền 39.000.000 đồng; Bùi Xuân Q nộp số tiền 60.000.000 đồng ( 50 triệu đồng + 10 triệu đồng); Bùi Thị Tiền nộp số tiền 30.000.000 đồng (20 triệu + 10 triệu đồng); Bùi Văn Kỳ nộp số tiền 20.000.000 đồng; Bùi Tuấn Đông nộp số tiền 10.000.000 đồng; Tạ Văn T nộp số tiền 226.355.000 đồng (12.390.000 đồng + 213.965.000 đồng); Hoàng Văn Hoa nộp số tiền 6.974.500 đồng). Nay:

\* Đối trừ cho các bị cáo: Đình Công P 91.000.000 đ (*chín mươi một triệu đồng*), Bùi Mạnh H 39.000.000 đ (*ba mươi chín triệu đồng*), Bùi Văn Kỳ 20.000.000 đ (*hai mươi triệu đồng*), Tạ Văn T 226.355.000 đ (*hai trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

\* Trừ cho Bùi Văn S 70.000.000 đ (*bảy mươi triệu đồng*), Bùi Thị Tiền 20.000.000 đ (*hai mươi triệu đồng*), Hoàng Văn Hoa số tiền 6.974.500 đ (*sáu triệu, chín trăm bảy mươi tư nghìn, năm trăm đồng*).

\*Trả lại cho:

- Bị cáo Bùi Xuân Q số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*).

- Bị cáo Bùi Văn S số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng* ).

- Bị cáo Bùi Tuấn Đông số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

- Bị cáo Bùi Thị Tiền số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

\* Bị cáo Hoàng Văn Hoa còn phải tiếp tục hoàn trả cho chị Lê Thị Thùy Linh số tiền 216.990.500 đ (*hai trăm mười sáu triệu, chín trăm chín mươi nghìn, năm trăm đồng*).

\* Tiếp tục quản lý các số tiền **570.329.500 đồng** (*năm trăm bảy mươi triệu đồng, ba trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng*) đã thu giữ trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử nêu trên để đảm bảo thi hành án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

\* Xác nhận bị cáo Tạ Văn T đã nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tuyên theo bản án sơ thẩm, tại biên lai số 0003136 ngày 25/12/2023 tại Chi cục thi hành án huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

\* Xác nhận bị cáo Bùi Mạnh H đã nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tuyên theo bản án sơ thẩm, tại biên lai số 0003137 ngày 25/12/2023 tại Chi cục thi hành án huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

[3] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2023/HS-ST ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Các Bị cáo kháng cáo Đinh Công P, Bùi Văn S, Bùi Xuân Q, Tạ Văn T, Bùi Mạnh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo là ông Bùi Văn Kiểm, bà Bùi Thị Châm, chị Bùi Thị Hiền, chị Bùi Thị Quyên, chị Bùi Thị Biền phải liên đới chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 05/02/2024.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội.
- VKSND cấp cao tại Hà Nội.
- VKSND tỉnh Hòa Bình.
- VKSND huyện Kim Bôi.
- TAND huyện Kim Bôi.
- Chi cục THADS h. Kim Bôi
- Ủy ban kiểm tra huyện ủy Kim Bôi.
- Chi cục thuế khu vực Kim Bôi – Lạc Thủy

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Tú Sơn, huyện Kim Bôi
- Bị cáo và người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ

**Lý Thị Đoàn**

